

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA GIÁO DỤC KĨ NĂNG TƯƠNG TÁC XÃ HỘI CHO HỌC SINH LỚP 1 HÒA NHẬP CÓ HỌC SINH KHIẾM THỊ

ĐỖ THỊ THANH THỦY*

Ngày nhận bài: 29/05/2016; ngày sửa chữa: 02/06/2016; ngày duyệt đăng: 03/06/2016.

Abstract: Recently, inclusive education has been carried out in Vietnam, facilitating children with visual impairments to have opportunities to go to school. In inclusive educational environment, interactive skills are necessary to develop interaction between students, helping visually impaired students to integrate with average students. However, interactive education for children is difficult and must be considered in the multisector collaboration of physiology, psychology, education and sociology.

Keywords: Interactive skill education, student with visual impairments, scientific basis.

1. Trong những thập niên gần đây, mô hình *giáo dục hòa nhập* (GDHN) *trẻ khiếm thị* (TKT) đã được triển khai ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Điều này đã tạo điều kiện cho đảm bảo cơ hội được học tập và phát triển cho mọi TKT. Đồng thời phù hợp với các điều kiện thực tiễn giáo dục (GD) Việt Nam và xu thế phát triển GD TKT thế giới” [1; tr 4].

Trong môi trường GDHN, kĩ năng tương tác xã hội (KNTTXH) là một trong những kĩ năng (KN) quan trọng nhất, là điều kiện cần thiết cho việc tạo lập, duy trì và phát triển mối quan hệ tương tác giữa các học sinh (HS), đặc biệt là giữa HS khuyết tật và HS không khuyết tật. Những KNTTXH được coi là “vốn kiến thức về những hành vi được chấp nhận về mặt xã hội và những KN để đạt được sự độc lập và tăng cảm giác giá trị hơn về bản thân” [2; tr 51].

Trong lớp học hòa nhập có học sinh khiếm thị (HSKT), việc học và biết sử dụng những KNTTXH phù hợp được xác định “là một nhu cầu cực kì quan trọng khi học trong môi trường GDHN” (Hatlen, 1987; Sacks, 1982,...). Đặc biệt đối với HSKT, do có khó khăn về khả năng thị giác nên các em thường có những hạn chế trong phát triển KNTTXH như *mức độ tương tác thấp* (Michael J. Guralnick & Joseph M. Groom, 1985; Imamura, S. 1965). Trong tương tác, HSKT thường là “người nhận” hơn là “người khởi xướng” (Crocker A.D., and Orr R.R., 1996); còn trong thời gian chơi, cả ở môi trường chuyên biệt và môi

trường hòa nhập, TKT và những trẻ có các dạng khuyết tật khác dành phần lớn thời gian của cá nhân để chơi một mình... (Erwin E.J., (1993).

Vào học lớp 1 là một bước ngoặt trong cuộc đời của trẻ. Các em được học tập theo phương thức trường học, thiết lập các mối quan hệ và hình thành thái độ với giáo viên, các bạn cùng lớp, tập thể... Đây cũng là giai đoạn quan trọng hình thành KNTTXH để có những TTXH thành công, tạo điều kiện cho sự phát triển của các em.

Nghiên cứu cơ sở khoa học của GD KNTTXH trong lớp 1 hòa nhập có HSKT sẽ định hướng việc xác định các biện pháp GD KNTTXH hiệu quả, đáp ứng mặt lí luận và thực tiễn.

KNTTXH của HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT là năng lực vận dụng có kết quả những tri thức về phương thức hành động tương tác (lời nói, phi lời nói) phù hợp với lứa tuổi của HS, phù hợp với mục đích hành động trong những tình huống và điều kiện tiến hành hoạt động nhất định, giúp cá nhân HS hình thành, tăng cường các mối quan hệ tương tác với những HS khác, đặc biệt là mối quan hệ tương tác giữa học sinh sáng mắt (HSSM) và HSKT trong lớp học hòa nhập.

Sự vận dụng những tri thức về phương thức hành động thể hiện ở ngôn ngữ cơ thể, thể hiện nét mặt và lời nói của HSSM và HSKT phù hợp với mục đích

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

hành động trong những tình huống và điều kiện tiến hành hoạt động tương tác xã hội (TTXH) nhất định giữa các HS;

Kết quả của hành động TTXH đạt được là sự gắn bó của cá nhân HS trong mối quan hệ với các bạn - đó là quan hệ giữa các cá nhân với tư cách đại diện cho nhóm xã hội, do xã hội quy định một cách khách quan về vai trò của mỗi cá nhân trong nhóm, để từ đó hình thành nên những nhóm bạn chơi, nhóm bạn học trong lớp học. Sự gắn bó giúp thiết lập nên mối quan hệ giữa các HS trong lớp (giữa HSSM - HSSM, HSSM - HSKT, HSKT - HSKT) được thể hiện thông qua những phản hồi tích cực, sự hài lòng, tiếp nhận lẫn nhau... từ phía bạn tương tác (trong hoạt động tương tác), trong đó đặc biệt cần quan tâm tới mối quan hệ giữa HSSM - HSKT trong các điều kiện hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt ở lớp học.

2. GD KNTTXH cho HS trong lớp học hòa nhập có HSKT

GD KN được hiểu là hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HS. Do đó, có thể hiểu GD KNTTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT là quá trình hình thành năng lực thể hiện những hành vi mong muốn của HSSM và HSKT trong TTXH. Điều này cũng có nghĩa là hình thành cho HS những đặc điểm về hành động đáp ứng các đòi hỏi của hoạt động TTXH với các bạn trong trường/lớp học, để quá trình TTXH giữa các HS (đặc biệt là giữa HSSM và HSKT) được diễn ra và đạt kết quả.

Trong GD con người, cần phải “biến các chuẩn mực xã hội, từ những đòi hỏi bên ngoài, thành nhu cầu bên trong, thành thói quen của người được GD” [3; tr 259]. Do đó, GD KNTTXH cho HS cần hình thành nhu cầu thể hiện ra bên ngoài là thói quen hành động (HS sẽ thực hiện các hành động đó như là những thói quen do nhu cầu trong các hoạt động TTXH hàng ngày với bạn bè) và cả nhu cầu bên trong của HS (đó là nhận thức, thái độ, tình cảm về việc thực hiện các hành động TTXH theo các giá trị, chuẩn mực). Năng lực hành vi TTXH của HS cần được xuất phát từ nhu cầu hành động TTXH theo những chuẩn mực, quy tắc xã hội và chứa đựng những ý nghĩa hay giá trị mà xã hội đã quy gán.

GD KNTTXH cho HS là một quá trình toàn vẹn, do đó cần được thực hiện đầy đủ các khâu của quá trình GD - đó là xem xét GD cả ba mặt: *nhận thức, thái độ và hành động* cho HS. Bởi vì đây là ba mặt

chủ yếu trong cấu trúc tâm lí của cá nhân và có mối quan hệ chặt chẽ, tác động qua lại với nhau trong một nhân cách.

Nhận thức làm cơ sở cho sự hình thành và điều chỉnh tình cảm, thái độ và hành động của mỗi cá nhân, bởi vì sự lĩnh hội những chuẩn mực và quy tắc hành vi làm “thay đổi một cách cơ bản những đặc điểm xúc cảm, tình cảm của các em” [4; tr 128]. Quá trình GD KNTTXH cần làm cho HS nhận thức đúng, đủ, chính xác về nội dung, phương thức thực hiện và ý nghĩa xã hội của các chuẩn mực trong TTXH.

Thái độ, tình cảm là một trong những động lực thúc đẩy hoạt động của cá nhân, kích thích con người nhận thức và hành động trong các tình huống TTXH. Nó có thể là khuynh hướng suy tư, cảm nghĩ, tri giác và hành xử đối với một đối tượng tâm lí và được hình thành từ những mối quan hệ tác động trong quá trình tương tác (với thầy cô giáo, bạn bè và những người xung quanh).

Thói quen thực hiện hành động là cái đích của GD, tạo điều kiện để HS có khả năng sẵn sàng thực hiện TTXH một cách tự giác, giúp củng cố và tăng cường nhận thức, thái độ, tình cảm tích cực của HS đối với các giá trị trong TTXH với các bạn.

Căn cứ vào nội dung, yêu cầu về GD KNTTXH cho HS lớp 1 hòa nhập có HSKT và đặc điểm tâm sinh lí của HS lớp 1, cần chú ý tác động thường xuyên vào khâu *hình thành và rèn luyện thói quen hành động tương tác* theo các giá trị, chuẩn mực trong các quan hệ xã hội cho HS.

Do HSSM và HSKT có những khả năng và nhu cầu *thực hiện hành động* TTXH khác nhau, vì vậy ở đa số KNTTXH, ngoài những yêu cầu chung về nhận thức (mục đích, ý nghĩa) còn có những yêu cầu dành riêng cho từng nhóm đối tượng HSSM và HSKT về thực hiện hành động TTXH.

Trên thực tế, có thể có sự không thống nhất giữa nhận thức và hành động của cá nhân do nhiều nguyên nhân (ví dụ: Do sự không phù hợp giữa bản chất xã hội của con người với các hình thức biểu hiện, chưa có thói quen thể hiện ra thành hành động...) hoặc tính không nhất quán trong hành vi (do tính mâu thuẫn và không vững bền của các định hướng giá trị). Việc làm rõ các nguyên nhân này sẽ giúp các nhà GD nắm bắt sự tiến bộ, khó khăn của HS cũng như đánh giá mức độ phù hợp của nội dung và phương pháp GD... từ đó tìm ra những tác động GD hiệu quả hơn.

3. Tiếp cận trong GD KN TTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT

GD KN TTXH dựa trên cách tiếp cận tổng hợp (Sinh lí học, Tâm lí học, GD học, Xã hội học) để hướng tới xác định các biện pháp, hình thức GD nhằm hình thành KN TTXH cho HS:

- *Cơ sở sinh lí học của việc hình thành KN TTXH:* KN hành động là những phản xạ có điều kiện, là hệ thống các đường liên hệ thần kinh tạm thời được hình thành tương đối vững chắc trên vỏ não (động lực định hình). Cơ sở sinh lí cho ta thấy rõ hơn vai trò và tầm quan trọng của việc thường xuyên luyện tập, rèn luyện, củng cố trong quá trình hình thành và duy trì các KN TTXH đã được hình thành.

- *Lí thuyết hoạt động với việc hình thành KN TTXH:* GD KN TTXH cho HS cần hình thành thao tác hành động song song với việc GD nhu cầu tương tác theo định hướng giá trị để đảm bảo sự thống nhất giữa nội dung, tâm lí, ý thức bên trong với hình thức thể hiện bên ngoài của cá nhân (với vai trò chủ thể). Thao tác là những biểu hiện bên ngoài của hành động và được điều chỉnh bởi cấu trúc tâm lí bên trong của chủ thể và động cơ, mục đích hoạt động của con người đều gắn liền với định hướng giá trị, thước đo giá trị của cộng đồng, nhà trường, nhóm và bản thân từng cá nhân.

KN TTXH của cá nhân chỉ có thể được hình thành thông qua hoạt động tương tác thường xuyên giữa các cá nhân bởi vì hoạt động của mỗi cá nhân là nguồn gốc của sự hình thành và phát triển tâm lí cá nhân đó và TTXH có đặc điểm bản chất là các tương tác liên nhân cách - đó là quá trình tổ chức hoạt động chung. Những hành vi giao tiếp xã hội được hình thành qua những trải nghiệm trong nhiều tình huống xã hội khác nhau. Trẻ càng trải nghiệm với những tình huống và chiến lược tương tác đa dạng, càng có khả năng giải quyết vấn đề tốt hơn trong những tình huống tương tác xã hội.

Các KN TTXH được hình thành ở mỗi cá nhân do được dạy - học một cách có chủ định (có mục đích, có sự hướng dẫn, điều khiển) hoặc không có chủ định (tự phát, ngẫu nhiên, theo con đường thử và sai) và chủ yếu thông qua các hình thức: quan sát, bắt chước, luyện tập, rèn luyện và phản hồi (Michenlson, Sugai, Wood & Kazdin, 1983). HS lớp 1 ở lứa tuổi còn nhỏ, kinh nghiệm và khả năng tự học còn thấp, do đó KN TTXH của các em cần được hình thành một cách có chủ định, có sự tổ chức, giám sát, điều khiển, hướng dẫn... của giáo viên sẽ mang lại hiệu quả GD cao.

Các nhà tâm lí học hoạt động cũng đã chỉ ra rằng KN được hình thành chủ yếu thông qua luyện tập có mục đích, có hệ thống và trong lớp học cần đảm bảo HS được “khám phá” có trợ giúp hơn là sự tự khám phá.

- *Thuyết học tập xã hội với việc hình thành KN TTXH:* Qua quan sát, bắt chước theo mẫu và phản hồi, trẻ sẽ khám phá những hành vi nào có thể được chấp nhận; hành vi có thể được điều chỉnh hoặc được học thông qua thao tác với môi trường (A. Bandura, 1977; Bandura & R. Walters, 1963). Đối với cá nhân, bắt chước là một phương thức hòa nhập mình vào với nhóm xã hội. Trong nhiều trường hợp, việc bắt chước là một phương thức lĩnh hội những hành vi, cách ứng xử và những nét tâm lí chung của nhóm. Lí thuyết này đưa ra những gợi ý về con đường hình thành KN TTXH cho trẻ.

Việc học tập và phát triển những KN TTXH để có sự tương tác hiệu quả được diễn ra một cách tương đối tự nhiên với hầu hết trẻ sáng mắt và không có khuyết tật gì (nếu những trẻ này có cơ hội tương tác hàng ngày với bạn). TKT do có hạn chế thông tin thu nhận qua thị giác nên trẻ cần học những KN này thông qua những kênh thông tin, kĩ thuật khác nhau và cần có những trợ giúp đặc biệt. Ví dụ: TKT cần nhận được những phản hồi về hành vi của trẻ và ảnh hưởng của những hành vi này trong TTXH như thế nào, từ đó trẻ có thể tự đánh giá được việc thay đổi hành vi của bản thân trong những tương tác trong tương lai.

- *Lí thuyết biểu trưng với sự nhận thức về ý nghĩa của các hành động:* Các cá nhân trong quá trình tương tác qua lại với nhau không phản ứng đối với các hành động trực tiếp của người khác mà “đọc” và lí giải chúng (G.Mead). Chúng ta luôn tìm những ý nghĩa được gán cho mỗi hành động và chỉ khi chúng ta đặt mình vào vai của người khác, chúng ta mới hiểu ý nghĩa những lời nói, cử chỉ và hành động của họ. Đây là quá trình quan trọng trong hình thành và phát triển nhân cách cá nhân.

- *Sự ảnh hưởng lẫn nhau trong TTXH (xã hội hóa cá nhân):* Trong TTXH, sự ảnh hưởng làm biến đổi lẫn nhau (giữa các cá nhân) có thể diễn ra trong bình diện nhận thức, thái độ hoặc hành vi theo các cơ chế: lây lan, bắt chước, so sánh xã hội, phục tùng, tuân theo và ám thị. Trong đó, “bắt chước” (đồng nhất mình với người khác) và “lây lan” (chủ thể thu nhận một cách không chủ đích các hành vi, cử chỉ, hành động

(Xem tiếp trang 13)

thông tin đa chiều để điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động dạy học theo hướng tích cực.

3. Kết luận

Công tác KT-ĐG chất lượng dạy học có vị trí quan trọng trong toàn bộ quy trình QL hoạt động của các trường TTCNQĐ, được chi phối bởi nhiều yếu tố trong và ngoài nhà trường. Nâng cao hiệu quả công tác KT-ĐG không chỉ bảo đảm chất lượng hoạt động dạy học, đáp ứng nhu cầu của xã hội, của quân đội, mà còn là động lực để xây dựng đội ngũ GV đảm bảo đạt chuẩn. Việc thực hiện công tác này tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của các trường TTCNQĐ, nhưng phải tuân thủ những quy luật chung của khoa học GD, khoa học QL được áp dụng vào điều kiện của nhà trường quân đội. Và đây cũng là tiêu chí để quân đội, ngành GD và xã hội đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo của các trường TTCNQĐ trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương. *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*
- [2] Đảng ủy Quân sự Trung ương. *Nghị quyết số 86/NQ-ĐUQSTW ngày 29/3/2007 của Đảng ủy Quân sự Trung ương (nay là Quân ủy Trung ương) về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới.*
- [3] Bộ Quốc phòng (2000). *Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam.* NXB Quân đội nhân dân.
- [4] Nguyễn Đình Minh (2016). *Phác thảo con đường đổi mới trong các trường quân đội.* Báo Quân đội Nhân dân online, ngày 15/6.
- [5] Phạm Đỗ Nhật Tiến (2016). *Bài toán đổi mới đánh giá người học trong giáo dục theo tiếp cận năng lực.* Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 126.

Cơ sở khoa học của giáo dục...

(Tiếp theo trang 16)

...) là hai cơ chế quan trọng của quá trình xã hội hóa cá nhân (John Farguha và M. Maccoby, S. Asch...). Với các cơ chế này, môi trường tương tác nhỏ (lớp học, gia đình ...) sẽ có tác động mạnh đến quá trình xã hội hóa trẻ em, do đó cần đảm bảo những hình mẫu về phương thức và thái độ trong TTXH.

- *Các nguyên tắc lập lại hành vi:* G. Homans đã đưa ra một số nguyên tắc củng cố hành vi làm cơ sở củng cố KNTTXH mục tiêu: Hành vi có xu hướng lặp lại (trong hoàn cảnh tương tự) nếu một dạng hành vi được thưởng/có lợi (trong một hoàn cảnh nào đó). Mức độ hài lòng, thỏa mãn với những phần thưởng/lợi ích cá nhân giành được cao nhất ở lần đầu và có xu hướng giảm dần ở các lần tiếp theo.

* * *

KNTTXH là một phần rất cần thiết đối với sự phát triển mặt xã hội của trẻ và sự điều chỉnh xã hội trong lớp học.

GD KNTTXH cho HS trong lớp 1 hòa nhập có HSKT cần trên cơ sở tiếp cận đa ngành (Sinh lý học, Tâm lý học, GD học, Xã hội học) để đảm bảo việc được thực hiện một cách có chủ đích (thông qua các thành tố của quá trình GD KNTTXH) tới các mặt nhận thức, tình cảm và thói quen hành động của HS, sao cho các biểu hiện bên ngoài của hành động TTXH

thống nhất với mặt ý thức bên trong của chủ thể HS, trên cơ sở chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện cũng như các yếu tố hỗ trợ. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2005). *Mười năm thực hiện giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật Việt Nam.*
- [2] Sharon Zell Sacks and Karen E.Wolffe (2005). *Teaching social skills to students with visual impairments.* AFB Press, USA.
- [3] Hà Thế Ngữ (2001). *Giáo dục học - một số vấn đề lý luận và thực tiễn.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [4] Phạm Minh Hạc (chủ biên, 1991). *Tâm lý học.* NXB Giáo dục.
- [5] Nguyễn Thanh Bình (2010). *Giáo dục kỹ năng sống (Giáo trình chuyên đề).* NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Phan Trọng Ngọ - Dương Diệu Hoa - Nguyễn Thị Mùi (2000). *Tâm lý học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học.* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [7] Dana D'Allura, Enhancing the social interaction skills of preschooler with visual impairments, Volume 96, JVIB. 2002.
- [8] Sharon Zell Sacks and Karen E.Wolffe (2005). *Teaching social skills to students with visual impairments.* AFB Press, USA.
- [9] Sharon Zell Sacks, Linda S. Kekelis and Robert J. Gaylord-Ross, The development of social skills by blind and visually impaired students, Exploratory Studies and Strategies, AFB Press, New York. 1997.